

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HSST
Ngày 30/5/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Anh Tuấn.

2. Bà Phan Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Ngọc Tùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tráng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q, sinh ngày 13/4/1988 tại Thái Bình; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 30 ngày 20/9/2016, Ủy ban nhân dân xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Trần Ngọc Q trong thời hạn 03 tháng, Q chấp hành xong ngày 20/12/2016; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/3/2018 đến ngày 15/3/2018 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*** Người làm chứng, chứng kiến:**

- Ông Bùi Thọ H1, sinh năm 1944; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt tại phiên tòa).

- Ông Trần Hữu T3, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn Trung, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc Q là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 21 giờ ngày 12/3/2018 Q lấy xe mô tô biển kiểm soát 16H9- 5458 của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T1 điều khiển lên thành phố T mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đi qua chợ Đ thuộc đoạn đường L, phường H, thành phố T, Q gặp người tên H khoảng 40 tuổi (Q biết do nghe bạn nghiện kể lại, không biết rõ họ tên, địa chỉ của người này). Gặp nhau Q lấy tiền đưa cho người này 300.000 đồng, người này hiểu ý nhận tiền và đưa cho Q 1 gói ma túy gói bằng nilon có nắp cài kích thước (1x1,2) cm. Q cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải, sau đó điều khiển xe về nhà với mục đích để sử dụng. Khi về đến đoạn đường trục thuộc thôn N, xã Đ gần nhà Q thì bị lực lượng Công an huyện Đông Hưng phối hợp với Công an xã Đ giữ lại vì nghi vấn có ma túy trong người. Cơ quan công an đã mời người làm chứng là ông Trần Hữu T3 và ông Bùi Thọ H1 đều trú tại xã Đ cùng tiến hành kiểm tra người Q, thu giữ quản lý trong lòng bàn tay phải của Q 1 túi nilon màu trắng kích thước (1x1,2) cm có nắp cài, bên trong có các hạt tinh thể màu trắng Q khai là ma túy đá vừa mua để sử dụng; ngoài ra còn quản lý của Q 01 xe mô tô biển kiểm soát 16H9-5458. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong vật chứng sau đó đưa Q về Công an huyện Đông Hưng để làm việc.

Kết luận giám định số 86/KLGD-PC54 ngày 13/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,3098 gam (không phẩy ba nghìn không trăm chín mươi tám gam).

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận ngày 12/3/2018, bị cáo mua ma túy về mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an huyện Đông Hưng bắt quả tang như cáo trạng đã truy tố. Nguồn gốc số tiền mua ma túy do bị cáo lao động mà có. Xe mô tô biển kiểm soát 16H9-5458 bị cáo sử dụng để đi mua ma túy là của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ bị cáo), bà T1 không biết bị cáo lấy xe để đi mua ma túy; bị cáo nhất trí việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng trả lại chiếc xe trên cho bà T1. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 khai: Bà không biết việc bị cáo Q sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16H9-5458 của bà để đi mua ma túy. Bà đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng trả lại chiếc xe trên trong tình trạng tài sản còn nguyên vẹn.

- Người làm chứng, chứng kiến là ông Trần Hữu T3 và ông Bùi Thọ H1 đều khai: Ngày 12/3/2018 các ông đã làm chứng và chứng kiến việc Công an huyện Đông Hưng khám xét, thu giữ ma túy của Trần Ngọc Q.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSĐH ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 86/KLGD-PC54 ngày 13/3/2018.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Đông Hưng lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 12/3/2018; biên bản niêm phong vật chứng; bản kết luận giám định số 86/KLGD-PC54 ngày 13/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1; lời khai người làm chứng ông Bùi Thọ H1 và ông Trần Hữu T3; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trần Ngọc Q là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện việc tàng trữ trái phép trên người 0,3098 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng cho bản thân. Trần Ngọc Q đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh và gia tăng các loại tội phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự an xã hội. Bị cáo có 01 tiền sự bị UBND xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và nhân thân năm 2009 bị UBND huyện Đ ra quyết định đưa vào Trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục, Lao động xã hội thành phố Thái Bình với thời hạn 01 năm do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa cho bản thân mà tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội. Hậu quả mà bị cáo gây ra phải chịu sự trừng trị của pháp luật, đây là bài học cho bị cáo và những người mắc nghiện ma túy, phạm các tội về ma túy.

[4] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trong quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định mức án tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và để giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án : Số ma túy thu giữ của bị cáo là vật phẩm cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16H9-5458 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, bà T1 không biết bị cáo Q sử dụng xe mô tô của bà để đi mua

ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho bà T1 là đúng pháp luật.

[7] Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được người bán ma túy cho bị cáo là ai, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Thông qua phiên tòa này nhắc nhở các bậc cha mẹ cần quan tâm con cái chặt chẽ hơn, đồng thời cùng với toàn Xã hội có những hành động thiết thực như: Đối với người đã trót mắc nghiện thì không nên xa lánh mà động viên giúp đỡ họ để họ có quyết tâm, nghị lực để cai nghiện. Khi thấy người nào có hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy thì trực tiếp bắt giữ hoặc thông báo cho cơ quan chức năng kịp thời bắt giữ, có như vậy thì chúng ta mới sớm loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội, bảo đảm sự bình an cho mọi gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Ngọc Q 01 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine quản lý của Trần Ngọc Q được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 86/KLGD-PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(Vật chứng trên đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông hưng ngày 03/5/2018).

2.2. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16H9-5458 cho bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H.Đông Hưng;
- Công an H.Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Kiên Trung